

# ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI CAMPUCHIA THẬP KỶ QUA

NGUYỄN VĂN HÀ\*

Sau khi gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO), tình hình hoạt động của đầu tư nước ngoài tại Campuchia sôi động hẳn lên với sự gia tăng nhanh chóng về khối lượng đầu tư cũng như sự cạnh tranh giữa các đối tác trong việc tìm kiếm cơ hội làm ăn tại nước này. Sở dĩ đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) gia tăng tại Campuchia những năm qua là do môi trường đầu tư tại nước này đã được cải thiện đáng kể. Bên cạnh đó, nước này vẫn duy trì được chế độ chính trị ổn định với việc củng cố vị trí vững chắc của Đảng Nhân dân Campuchia trong đời sống chính trị của đất nước. Đặc biệt, Campuchia được xem là một trong những nước có chỉ số tự do kinh tế thuộc diện cao trong khu vực khi được xếp hạng 9 trong 32 nền kinh tế ở khu vực Châu Á do tổ chức Heritage Foundation của Mỹ xếp hạng năm 2006. Trong những năm qua, số lượng các nhà đầu tư nước ngoài đổ vào Campuchia ngày càng nhiều, làm cho môi trường đầu tư trở nên có tính cạnh tranh cao hơn. Bài viết dưới đây sẽ đánh giá môi trường đầu tư, hoạt động của FDI và vai trò của nó đối với sự phát triển kinh tế xã hội của Campuchia trong một thập kỷ qua.

## I. MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ TẠI CAMPUCHIA

Sau các cuộc tổng tuyển cử tự do và công bằng, tình hình chính trị ở Campuchia dần đi vào ổn định cùng với các chính sách kinh tế cởi mở và tự do theo hướng phát triển thị trường là những điều kiện cơ bản nhất cho việc cải thiện môi trường đầu tư tại nước này. Về cơ bản, môi trường đầu tư tại Campuchia có những nhân tố thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài như sau: *Thứ nhất*: Sự ổn định chính trị. Sau các cuộc tổng tuyển cử tự do và công bằng vào các năm 1993 và 1998, Campuchia đã có được một chính phủ ổn định với sự chia sẻ quyền lực giữa Đảng FUNCINPEC và Đảng Nhân dân Campuchia (CPP). Gần đây, CPP đã trở thành Đảng giành được nhiều ghế nhất trong cuộc bầu cử nhiệm kỳ 3 (2003-2008) và là đảng chiếm đa số trong cuộc bầu cử Quốc hội Campuchia tháng 7/2008. *Thứ hai*: Campuchia cũng là nước đã thực hiện những cải cách kinh tế sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực: chuyển đổi thể chế kinh tế, hoàn thiện hệ thống chính sách và luật pháp, xác lập và tạo động lực cho khu vực

---

\* Ths Nguyễn Văn Hà, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á

kinh tế tư nhân phát triển, cải cách thể chế tài chính công... Bên cạnh đó, Campuchia cũng thực thi chính sách tự do hoá và mở cửa nền kinh tế, thúc đẩy quá trình cạnh tranh. Campuchia hiện được xem là một trong những nước có chế độ tự do về kinh tế trong khu vực. Theo xếp hạng “chỉ số tự do kinh tế năm 2006” của tổ chức Heritage Foundation của Mỹ, Campuchia đứng thứ 9 trong số 32 nước và vùng lãnh thổ ở khu vực Châu Á<sup>(1)</sup>. *Thứ ba*: Campuchia cũng là một nước có chính sách thu hút đầu tư nước ngoài khá thông thoáng với những ưu đãi và khuyến khích về đầu tư. Chính phủ cũng đưa ra các qui định về bảo hộ đầu tư, thành lập các khu kinh tế đặc biệt (SEZ) nhằm thu hút FDI. *Thứ tư*: Campuchia là một trong một số ít nước đạt được mức tăng trưởng kinh tế khá cao. Trong một thập kỷ qua, tăng trưởng của Campuchia xếp thứ 7 trên thế giới. Mức tăng trưởng GDP đạt mức trung bình 9,8% mỗi năm thời kỳ 1998-2007 và trên 10% mỗi năm giai đoạn 2004-2007<sup>(1)</sup>. Cùng với việc đạt được tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, Campuchia cũng là nước duy trì được nền kinh tế vĩ mô khá ổn định. *Thứ năm*: Campuchia được thừa hưởng điều kiện lịch sử và địa lý thuận lợi, nằm ở khu vực năng động ở khu vực Đông Nam Á và Đông Á. Việc thực thi chính sách mở cửa cùng với quá trình hội nhập và liên kết khu vực đã đặt nước này vào trong một vị thế phát triển mới. Trên khía cạnh đó, Campuchia là một thị trường thực sự hấp dẫn đối với đầu tư nước ngoài.

Bên cạnh những mặt thuận lợi nêu trên, môi trường đầu tư của Campuchia

cũng có những điểm được xem là bất lợi đối với các nhà đầu tư nước ngoài thể hiện: *Thứ nhất*: Campuchia vẫn được coi là một thị trường còn nhỏ với dân số 14,4 triệu người năm 2007. Hơn nữa, Campuchia vẫn là một nước nghèo với thu nhập bình quân đầu người đạt 624 USD năm 2008. *Thứ hai*: không chỉ hạn chế về qui mô thị trường, Campuchia còn có những hạn chế rất lớn về cơ sở hạ tầng kinh tế và xã hội. Giao thông đường bộ, hệ thống các cảng, kho bãi, dịch vụ hậu cần, năng lượng, công nghệ thông tin và viễn thông chưa thực sự phát triển. Trên thực tế, chi phí điện và dịch vụ hậu cần ở Campuchia là rất cao. *Thứ ba*: Một trong những trở ngại đối với việc thu hút đầu tư nước ngoài ở Campuchia là chất lượng nguồn nhân lực thấp. *Thứ tư*: Năng lực quản trị kém cùng với tình trạng tham nhũng tồn tại phổ biến.

Tóm lại, môi trường đầu tư ở Campuchia có nhiều điểm hấp dẫn nhưng còn tồn tại những bất lợi nhất định đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

## II. HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI TẠI CAMPUCHIA

### 2.1. Động thái phát triển của FDI trong hơn một thập kỷ qua

Nhìn tổng thể, hoạt động FDI tại nước này có thể chia thành 3 giai đoạn nhỏ với những đặc điểm kinh tế xã hội khác nhau. Giai đoạn 1, thời kỳ 1994-1999, khối lượng FDI vào Campuchia còn nhỏ, trung bình chỉ trên dưới 100 triệu USD mỗi năm. Sở dĩ FDI giai đoạn này chưa tăng nhanh là do tình hình chính trị tại nước

này chưa thực sự ổn định, nền kinh tế vẫn đang ở thời kỳ phục hồi, cơ sở hạ tầng lạc hậu, môi trường kinh tế thế giới và khu vực không thuận lợi. Giai đoạn 2, những năm đầu thế kỷ 21, đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Campuchia thể hiện mức tăng giảm thất thường, tăng lên trong những năm 2001, 2002 (khoảng 140-150 triệu USD mỗi năm), giảm mạnh năm 2003 (dưới 100 triệu USD) trước khi hồi phục vào năm 2004. Có thể nói, việc FDI tăng trưởng thất thường giai đoạn này cũng một phần liên quan đến tình hình chính trị chưa ổn định, tăng trưởng kinh tế cao nhưng thất thường, các chương trình cải cách vẫn chưa thực sự đứng vững và quá trình hội nhập mới chỉ bắt đầu. Giai đoạn 3, những năm gần đây, khối lượng FDI đã tăng mạnh từ 121 triệu USD năm 2004 lên 381 triệu năm 2005, 483 triệu năm 2006, 867 triệu năm 2007 và 815 triệu USD năm 2008. Có thể nói, khối lượng FDI vào Campuchia là khá cao so với qui mô của nền kinh tế (chiếm khoảng 10% của GDP nước này) và chiếm tỉ lệ tương đối cao trong tổng vốn đầu tư (tương đương với mức 52% tổng vốn cố định). Sở dĩ FDI vào Campuchia bùng nổ những năm qua là do: tình hình chính trị nước này dần đi vào ổn định; Campuchia mới gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) năm 2003 và thực thi chính sách kinh tế mở cửa với nhiều ưu đãi cho các nhà đầu tư nước ngoài; nền kinh tế nước này đạt mức tăng trưởng cao, đạt hai con số các năm 2005-2007: năm 2005: 13,3%, năm 2006: 10,8% và năm 2007: 10,2%.

Mặc dù, khối lượng FDI vào Campuchia đã được cải thiện đáng kể, nhưng so với các

nước ASEAN khác thì lượng FDI tại nước này vẫn còn ở mức thấp. Trong số các nước ASEAN, thì các nước ASEAN 5 vẫn là những nước thu hút được khối lượng FDI nhiều hơn cả trong những năm qua: lớn nhất là Xingapo, tiếp đó là Thái Lan, Malaixia, Indônêxia. Trong số các nước ASEAN còn lại, khối lượng FDI vào Việt Nam lớn nhất, tiếp đó là Campuchia, Mianma, Lào (xem bảng 1).

## 2.2. Cơ cấu đầu tư tại Campuchia trong vòng một thập kỷ qua

### 2.2.1. Các nhà đầu tư

Về cơ cấu, các nhà đầu tư đến từ khu vực Châu Á, Trung Quốc, Hồng Công, ASEAN vẫn chiếm tỉ trọng chủ yếu. Những năm gần đây, một số nhà đầu tư từ khu vực Trung Đông bắt đầu quan tâm đến thị trường Campuchia. Trong giai đoạn từ năm 1994 đến nửa đầu năm 2006, tổng vốn đầu tư nước ngoài vào Campuchia là 10.755 triệu USD. Trong số này, Trung Quốc là nước đứng đầu, với số vốn là 2.059 triệu USD, chiếm 19,1% tổng vốn đầu tư, tập trung chủ yếu trong ngành may mặc. Trong thời kỳ 2000-2005, hơn 50% các cơ sở sản xuất sản phẩm may mặc thuộc sở hữu của người Trung Quốc. Đứng thứ hai trong số các nước đầu tư vào Campuchia thời gian này là Malaixia, với số vốn 1.956 triệu USD, đạt tỉ trọng 18,2%. Tiếp theo là các nước Hàn Quốc, 1.359 triệu, Mỹ, 559 triệu, EU 357 triệu, Thái Lan, 331 triệu, Xingapo, 267 triệu USD. Các nước còn lại có khối lượng và tỉ trọng nhỏ hơn. Trong hai năm trở lại đây, Trung Quốc vẫn được coi là nhà đầu tư chủ yếu tại Campuchia. Nếu

**Bảng 1: FDI vào các nước ASEAN giai đoạn 2006-2008**

(đơn vị triệu USD và tỉ lệ %)

Nước	2006	2007	2008	Tỉ trọng năm 2008
Brunei Darussalam	433,5	260,2	239,2	0,4
Campuchia	483,2	867,3	815,2	1,4
Indônêxia	4.913,8	6.928,3	7.918,5	13,2
Lào	187,4	323,5	227,8	0,4
Malaixia	6.059,7	8.401,2	8.053,0	13,4
Mianma	427,8	257,7	714,8	1,2
Philippin	2.921,0	2.916,0	1.520,0	2,5
Xingapo	27.681,1	31.550,3	22.801,8	37,9
Thái Lan	9.459,6	11.283,1	9.834,5	16,3
Việt Nam	2400,0	6.739,0	8.050,0	13,4
<b>Tổng số</b>	<b>54.967,2</b>	<b>69.481,6</b>	<b>60.174,7</b>	<b>100,0</b>

Nguồn: ASEAN Foreign Direct Investment Database (www. aseansec. org)

tính tổng giá trị các dự án đầu tư được thông qua đến hết năm 2008 thì FDI vào Campuchia đạt 25,75 tỉ USD. Trong đó, Trung Quốc chiếm 23,97%, với các lĩnh vực đầu tư mới như trồng cao su và phát triển du lịch. Đứng thứ hai trong số các nhà đầu tư lớn tại Campuchia có sự thay đổi, khi Hàn Quốc thay thế vị trí của Malaixia, chiếm tỉ trọng 10,68%<sup>(3)</sup>. Tiếp đó là các nhà đầu tư đến từ Malaixia, Đài Loan, Hồng Kông, Thái Lan...

Trong khi đó, đầu tư của Việt Nam cũng có những bước tiến đáng kể cùng với sự phát triển của các quan hệ kinh tế giữa hai nước. Tính đến tháng 2-2009, tổng khối lượng đầu tư của Việt Nam tại Campuchia là 211,2 triệu USD với 39 dự án. Các dự án đầu tư của Việt Nam sang Campuchia tập trung chủ yếu vào lĩnh vực nông, lâm nghiệp, dịch vụ và công nghiệp. Tuy nhiên, trong những tháng

gần đây, các hoạt động hợp tác-đầu tư giữa Việt Nam và Campuchia đặc biệt gia tăng. Tại buổi tọa đàm giữa các bộ, ngành của Campuchia với các nhà đầu tư Việt Nam vừa được tổ chức trong các ngày 11-14/8/2009 tại Campuchia, đã có nhiều hợp đồng đầu tư được ký kết giữa 11 doanh nghiệp Việt Nam với các đối tác Campuchia với số vốn lên đến 462 triệu USD. Khối lượng đầu tư này đã đưa tổng vốn FDI của Việt Nam tại Campuchia lên đến hơn 600 triệu USD<sup>(4)</sup>.

#### 2.2.2. Cơ cấu FDI theo ngành và theo vùng ở Campuchia

Về cơ cấu đầu tư theo ngành thời kỳ 1994 - 2006, đứng đầu về tỉ trọng vẫn là khu vực công nghiệp, với 36%, tiếp đó là các ngành dịch vụ, 34%, du lịch 23% và nông nghiệp 7% tổng khối lượng vốn FDI. Trong hai năm gần đây, đầu tư tiếp tục tập trung vào ngành may mặc, du lịch và

bất động sản. Tuy nhiên, nông nghiệp cũng bắt đầu được chú trọng đầu tư trong các ngành trồng lúa xuất khẩu, phát triển cây công nghiệp.

Trong lĩnh vực công nghiệp, FDI chủ yếu tập trung vào ngành may mặc và xây dựng (lĩnh vực bất động sản). Sở dĩ FDI vào khu vực may mặc của Campuchia tăng nhanh trong thời gian qua là do nước này được hưởng những ưu đãi mở rộng hạn ngạch của chính phủ Mỹ, các chính sách đầu tư thông thoáng, chế độ thương mại mở và thực hiện những cải cách theo hướng tự do hoá. Cùng với may mặc, xây dựng cũng là ngành thu hút FDI lớn thứ hai trong công nghiệp. Việc đầu tư nhà ở, văn phòng, khách sạn đã làm gia tăng các hoạt động đầu tư vào lĩnh vực xây dựng trong những năm gần đây. Các hoạt động đầu tư nước ngoài vào khu vực khách sạn được tập trung vào hai khu vực chính là Phnôm Pênh và Xiêm Riệp. Ngoài ra, xây dựng cũng là ngành được ưu tiên đầu tư tại cảng Sihanoukville và các khu kinh tế đặc biệt.

Đứng thứ hai về khối lượng thu hút FDI trong nền kinh tế Campuchia là ngành dịch vụ (theo phân loại của nước này, khu vực du lịch không nằm trong ngành dịch vụ) với 34% và du lịch 23%. Tuy nhiên, FDI vào khu vực du lịch có liên quan đến hàng loạt các ngành khác trong dịch vụ và công nghiệp như khách sạn, nhà hàng, xây dựng, giao thông... Mặc dù vậy, cần phải khẳng định rằng, đầu tư nước ngoài vào trong lĩnh vực du lịch tăng nhanh trong những năm tăng trưởng kinh tế cao giai đoạn 2003-2007. Những lý do chủ yếu khiến cho FDI vào

khu vực du lịch tăng đó là chính sách đối với đầu tư vào khu vực khá thông thoáng và thuận lợi, nước này có tiềm năng về du lịch, tình hình chính trị của Campuchia ngày càng ổn định và mức tăng trưởng nhanh của khu vực. Tính ra, số lượng khách du lịch đến Campuchia đã tăng từ 466.365 người năm 2000 tăng lên 2.015.128 người năm 2007<sup>(6)</sup>.

Ngoài ra, một bộ phận FDI cũng được đầu tư trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp, như trồng lúa, cao su, điều...

### III. VAI TRÒ CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

#### 3.1. Vai trò của FDI đối với việc thúc đẩy tăng trưởng và thay đổi cơ cấu kinh tế

Có thể nói, đầu tư nước ngoài đã đóng vai trò rất quan trọng đối với sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của Campuchia trong hơn một thập kỷ qua. Trong nền kinh tế, FDI góp phần tạo lập nguồn vốn đầu tư, cân đối tài khoản của cán cân thanh toán khi mà nguồn vốn đầu tư trong nước rất hạn chế. Bởi vì, một trong những đặc điểm của nền kinh tế Campuchia thời gian qua là sự yếu kém của mức đầu tư và qui mô khu vực công cộng nhỏ. Về đầu tư, tỉ trọng vốn đầu tư trong tổng GDP tuy có tăng từ mức 15% năm 1997 lên 21% năm 2007 nhưng cơ cấu đầu tư tồn tại một số vấn đề: đầu tư công thấp và tăng nhanh FDI, đầu tư trong nước chỉ chiếm khoảng 5% GDP, còn lại là đầu tư nước ngoài. Cùng với việc tạo lập nguồn vốn, FDI còn tác động rất lớn trên các khía cạnh như đóng góp vào việc

nâng cao trình độ kỹ thuật và công nghệ của các khu vực, nâng cao kỹ năng của các doanh nghiệp và người lao động, qua đó, góp phần đào tạo lao động có kỹ năng cho đất nước. Đặc biệt, FDI đóng góp vào việc tạo lập chuỗi giá trị trong hoạt động sản xuất, góp phần vào việc tiếp cận, mở rộng thị trường khu vực và thế giới cho các doanh nghiệp và nền kinh tế nước này.

Tính chung trong giai đoạn từ năm 2001 đến 2005, tốc độ tăng trưởng GDP của Campuchia đạt mức trung bình 9,1%, cao nhất là các năm 2004, 10,0% và 2005, đạt 13,4%. Trong hai năm 2006 và 2007, tốc độ tăng GDP của nước này tiếp tục được duy trì ở mức cao, lần lượt là 10,8% và 10,1%, trước khi giảm xuống khoảng 6,8% năm 2008 do tác động của khủng hoảng kinh tế. Có thể thấy, có mối quan hệ mật thiết giữa tăng trưởng FDI và GDP. Từ những năm 90 đến đầu những năm 2000, khi FDI vào nước này thấp, mức tăng trưởng GDP chỉ ở mức trung bình, 6-7%. Tuy nhiên, trong những năm 2004-2007, khi FDI tăng nhanh, tăng trưởng GDP luôn đạt hai con số. Bên cạnh đó, FDI cũng góp phần đáng kể chuyển đổi cơ cấu kinh tế của Campuchia. Cơ cấu kinh tế đã chuyển từ chỗ nông nghiệp chiếm tỉ trọng cao sang công nghiệp và dịch vụ giữ vai trò chủ đạo. Tỉ trọng của nông nghiệp trong tổng sản phẩm trong nước đã giảm từ 49,6% năm 1995 xuống 31,9% năm 2007. Trong khi đó, khu vực công nghiệp đã tăng từ 14,8% lên 26,8%, khu vực dịch vụ tăng từ 35,5 lên 41,3% thời kỳ 1995 - 2007<sup>(6)</sup>.

Trong vòng một thập kỷ qua, FDI đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng của các

khu vực công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ. Trong thời kỳ 1998-2007, tăng trưởng của khu vực công nghiệp đạt mức nhanh nhất với mức tăng trưởng trung bình 16% mỗi năm và đóng góp 3,4% điểm vào tăng trưởng GDP. Trong đó, may mặc chiếm đến 16% GDP của đất nước và 2,4% điểm tăng trưởng GDP. Bên cạnh đó, xây dựng cũng là một trong 4 ngành phát triển mạnh ở Campuchia thập kỷ qua, chiếm 7% GDP và đóng góp 0,7% điểm tăng trưởng GDP của nền kinh tế. Trong khi đó, tăng trưởng của ngành dịch vụ chủ yếu là sự tăng nhanh của các ngành thương mại (chiếm 8% GDP và đóng góp 0,5% điểm tăng trưởng của GDP thời kỳ 1998-2007). Bất động sản đóng góp 8% tỉ trọng GDP và 0,8% điểm tăng trưởng của GDP thời kỳ 1998-2007. Ngoài ra, là những đóng góp của các ngành giao thông, thông tin viễn thông, khách sạn và nhà hàng... Trong số này, tăng trưởng của ngành du lịch đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng của ngành dịch vụ. Tăng trưởng của nông nghiệp có phần thấp hơn so với các ngành còn lại nhưng vẫn đạt mức khá cao trong khu vực Đông Nam Á với mức tăng trưởng bình quân 4,4% thời kỳ 1998-2007 (so với 4% của Việt nam và 3,9% của Lào) và đóng góp 2% điểm tăng trưởng GDP thời kỳ 2003-2007<sup>(7)</sup>.

Ngoài ra, đầu tư nước ngoài cũng là một nhân tố chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu. Xuất khẩu của Campuchia tăng nhanh trong một thập kỷ qua với giá trị tăng từ 802 triệu năm 1998 lên 4.089 triệu năm 2008. Trong đó, khu vực xuất khẩu hàng đầu của nền kinh tế là may mặc và giày dép, với mức tăng trưởng

trung bình 28% mỗi năm trong vòng 10 năm qua, từ con số 0 năm 1994 lên 2,8 tỉ USD năm 2007.

### 3.2. FDI với việc gia tăng việc làm, cải thiện thu nhập và giảm đói nghèo

Cùng với việc thúc đẩy tăng trưởng, thay đổi cơ cấu nền kinh tế, đầu tư nước ngoài còn có những đóng góp hết sức có ý nghĩa là tạo ra việc làm, cải thiện thu nhập, góp phần giảm đói nghèo và thực hiện các mục tiêu kinh tế xã hội. Trung bình, mỗi năm khu vực công nghiệp đã thu hút khoảng 100.000 lao động vào làm việc trong các lĩnh vực khác nhau. Đặc biệt, may mặc là ngành phát triển hàng đầu của nước này trong một thập kỷ qua, đem lại việc làm cho khoảng 350.000 lao động, góp phần giải quyết được phần nào tình trạng thất nghiệp gia tăng. Đa đa số lao động làm việc trong ngành công nghiệp may mặc là lao động từ khu vực nông thôn nên sự tăng trưởng và phát triển của ngành đã góp phần tạo ra việc làm cho lao động nông thôn trong quá trình chuyển đổi. Tương tự, khu vực dịch vụ, nhất là các ngành thương mại, bưu chính viễn thông, bất động sản, khách sạn và nhà hàng là những ngành phát triển nhanh nhất ở Campuchia trong thập kỷ qua đã góp phần tạo ra khoảng 100.000 việc làm mỗi năm cho khu vực trong thời kỳ 1998-2007. Riêng ngành du lịch, lao động làm việc trong khu vực đã tăng từ 200.000 năm 2005 lên 300.000 người năm 2007<sup>(8)</sup>.

FDI cùng với mức tăng trưởng nhanh của nền kinh tế đã góp phần nâng cao thu nhập đầu người của Campuchia. GDP đầu

người của Campuchia đã tăng hơn 2 lần trong vòng một thập kỷ qua, từ mức 285 USD đầu người năm 1997 lên 624 USD năm 2008. Chính vì vậy, tỉ lệ đói nghèo của quốc gia đã giảm đáng kể. Nghiên cứu kinh tế xã hội năm 2004 cho thấy mức sống của người dân ở cả thành thị và nông thôn được cải thiện đáng kể. Trong vòng một thập kỷ, từ 1994 - 2004, tỉ lệ nghèo đói đã giảm từ khoảng 45-50% xuống khoảng 35%, tức giảm 1 - 1,5% mỗi năm. Trong bốn năm gần đây, tỉ lệ nghèo đói giảm mạnh hơn, từ mức 34,7% năm 2004 xuống còn 30,1% năm 2007, tức khoảng 1,6% điểm mỗi năm. Trong đó, tỉ lệ người nghèo sinh sống ở khu vực nông thôn được cải thiện đáng kể nhờ phát triển sản xuất và sự thay đổi trên thị trường lao động. Trong đó, sự thay đổi lớn đã diễn ra khi lao động từ khu vực nông nghiệp chuyển sang lĩnh vực phi nông nghiệp như công nghiệp chế tạo và dịch vụ.

### 3.3. Một số tác động bất lợi

Bên cạnh những tác động tích cực nêu trên, FDI cũng tác động bất lợi đối với nền kinh tế Campuchia thể hiện trên một số nét chính như sau: *Thứ nhất:* Sự phụ thuộc của kinh tế Campuchia vào FDI cùng với sự tồn tại yếu kém của khu vực tư nhân trong nước. Chính vì vậy, khả năng nắm bắt và tiếp nhận chuyển giao công nghệ sẽ rất hạn chế. *Thứ hai:* FDI trong những điều kiện phát triển thông thoáng, tự do đã tạo ra một sự phát triển thiếu cân đối. Trên thực tế, nền kinh tế Campuchia thiếu sự đa dạng hoá, phụ thuộc vào sự tăng trưởng của một số ngành nhất định. Hậu quả của sự phát

triển mất cân đối và đa dạng hoá yếu kém là sự thiếu năng động của nền kinh tế và dễ rơi vào tình trạng khủng hoảng.

## KẾT LUẬN

Sau khi tình hình chính trị ổn định, Campuchia đã thực thi những cải cách theo định hướng phát triển nền kinh tế thị trường. Nền tảng chủ yếu trong chính sách phát triển của chính phủ là chính sách tự do hoá và mở cửa trong đó thu hút FDI để phát triển kinh tế theo hướng hội nhập là một trong những nội dung quan trọng. Chính vì vậy, Campuchia là một trong những nước có môi trường đầu tư khá thuận lợi đối với đầu tư nước ngoài như chế độ chính trị khá ổn định; thực hiện hàng loạt những cải cách kinh tế sâu rộng trên các lĩnh vực kinh tế, tài chính theo hướng tự do hoá; các chính sách thu hút FDI khá thông thoáng và tạo nhiều thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài trong một môi trường kinh tế tăng trưởng cao, ổn định. Tuy nhiên, môi trường đầu tư tại nước này cũng còn tồn tại những hạn chế như thị trường nội địa nhỏ, cơ sở hạ tầng lạc hậu, năng lực quản trị yếu kém, nạn tham nhũng... Mặc dù vậy, với những chính sách thúc đẩy hội nhập khu vực, tham gia AFTA và WTO cùng với những chính sách thông thoáng đã làm cho khối lượng FDI tăng nhanh trong những năm qua. Trong số này, FDI của Trung Quốc vẫn chiếm tỉ trọng cao, tiếp đó là các nước Malaixia, Hàn Quốc... FDI tại Campuchia tập trung chủ yếu vào các ngành may mặc, du lịch và xây dựng. Có thể nói, FDI không chỉ đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế cao của đất nước mà còn góp phần

chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế với sự gia tăng tỉ trọng của công nghiệp và dịch vụ trong GDP và giảm tỉ trọng tương ứng của nông nghiệp. Bên cạnh đó, FDI góp phần vào việc tạo ra việc làm, nâng cao mức sống và giảm đói nghèo cho cư dân nói chung. Như vậy, đối với Campuchia, FDI đã trở thành một bộ phận cấu thành của nền kinh tế quốc dân và sẽ tiếp tục đóng vai trò dẫn dắt tăng trưởng nền kinh tế nước này trong tương lai./.

---

## CHÚ THÍCH

1. Economic Overview, Conncil for the development of Cambodia, [www.cdc.gov.kh](http://www.cdc.gov.kh).
2. Sustaining Rapid Growth in a Challenging Environment, Cambodia Country Economic Memorandum, Poverty Reduction and Economic Management Sector Unit, East Asia and Pacific Region, Draft, 14/1/2009, P5.
3. Economic overview, [www.cdc-investment.gov.kh](http://www.cdc-investment.gov.kh).
4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Uỷ ban quốc gia về Hợp tác kinh tế quốc tế, [www.nciec.gov.vn](http://www.nciec.gov.vn)
5. Ministry of Tourism, Annual Report on Tourism Statistics, 2007.
6. Key Indicators in Asia, ADB. Tuy nhiên cơ cấu theo tài liệu của Campuchia năm 2007 là nông nghiệp: 29%, công nghiệp: 30%, dịch vụ: 41%.
7. Sustaining Rapid Growth in a Challenging Environment, Cambodia Country Economic Memorandum, Draft 14/1/2009, Poverty Reduction and Economic Management Sector Unit, East Asia and Pacific Region, p7.
8. Ministry of Tourism, Annual Report on Tourism Statistics, 2007.